

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-ST
Ngày 26-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tư

Bà Lý Thị Thiên Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Nhật Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ trụ sở: Lầu 8, số 266-268 đường N, Phường 8, Quận 3, Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Bình C; chức vụ: Nhân viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 280/2022/GUQ- CNHP ngày 31/12/2021); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Đoàn Mạnh H; nơi cư trú: Số 10A/111 Cụm 1, phường Đ, quận N, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/6/2018, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (viết tắt S) đã ký kết với ông Đoàn Mạnh H vay theo Hợp đồng tín dụng số LD1815500179 ngày 05/6/2018 (theo giấy nhận nợ số 01 ngày 05/06/2018 và Giấy nhận nợ số 02 ngày 08/06/2018) (viết tắt HĐTD) số tiền vay 150.000.000 đồng; mục đích vay: Tiêu dùng phục vụ đời sống; lãi suất 03 tháng đầu tiên: 14,4%/năm. Sau khi ký kết HĐTD, S đã thực hiện giải ngân cho ông H đầy đủ theo Giấy nhận nợ số 01 ngày 05/06/2018 số tiền 90.000.000 đồng và Giấy nhận nợ số 02 ngày 08/06/2018 số tiền 60.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện HĐTD, ông H đã thanh toán cho S với tổng số tiền là 131.738.950 đồng; trong đó: Nợ gốc: 85.000.000 đồng; nợ lãi: 46.738.950 đồng. Tuy nhiên, kể từ tháng 04/2021 cho đến nay ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, S nhiều lần đôn đốc nhưng ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết.

Nay, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của S, nên S có đơn khởi kiện đến Tòa án, yêu cầu: Buộc ông Đoàn Mạnh H phải trả nợ cho S số tiền nợ tạm tính đến ngày 26/9/2022 theo HĐTD số LD1815500179 ngày 05/6/2018 với tổng số tiền là: 80.473.806 đồng, cụ thể: Nợ gốc: 65.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 8.836.490 đồng; nợ lãi quá hạn: 5.946.488 đồng; phạt chậm trả lãi: 690.828 đồng; ông Đoàn Mạnh H phải tiếp tục trả nợ cho S số tiền lãi phát sinh từ ngày 27/9/2022 cho tới khi thực hiện trả hết toàn bộ nợ vay theo HĐTD đã ký kết; về án phí: Ông Đoàn Mạnh H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vắng mặt không có lý do, không có quan điểm đối với yêu cầu của người khởi kiện, nên Tòa án không tiến hành được việc lấy lời khai của ông Đoàn Mạnh H và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Đoàn Mạnh H phải trả nợ cho S số tiền nợ tạm tính đến ngày 26/9/2022 là: 80.473.806 đồng, cụ thể: Nợ gốc: 65.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 8.836.490 đồng; nợ lãi quá hạn: 5.946.488 đồng; phạt chậm trả lãi: 690.828 đồng. Ông H phải tiếp tục trả nợ cho S số tiền lãi phát sinh từ ngày 27/9/2022 cho tới khi thực hiện trả hết toàn bộ nợ vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết; ông H phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Ông Đoàn Mạnh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do, mặc

dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

* Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu do đương sự cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập chứng cứ trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; áp dụng Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng; căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của S: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của S buộc ông Đoàn Mạnh H phải thanh toán cho S số tiền nợ tạm tính đến ngày 26/9/2022 tổng cộng là 80.473.806 đồng, trong đó: Nợ gốc: 65.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 8.836.490 đồng; nợ lãi quá hạn: 5.946.488 đồng; lãi chậm trả: 690.828 đồng; kể từ ngày xét xử, ông Đoàn Mạnh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay; về án phí bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1] S, khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

được ký kết với ông Đoàn Mạnh H. Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, phát sinh giữa nguyên đơn là tổ chức có đăng ký kinh doanh và bị đơn là ông Đoàn Mạnh H; nơi cư trú: Số 10A/111 Cụm 1, phường Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng với mục đích vay tiêu dùng nên theo quy định của khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

+ Về sự vắng mặt của nguyên đơn:

[2] S vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn:

[3] Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn ông Đoàn Mạnh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản cho bị đơn, vì ông H không có mặt tại nơi cư trú: Số 10A/111 Cụm 1, phường Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông H tiếp tục vắng mặt không có lý do. Như vậy, bị đơn thay đổi địa chỉ nơi cư trú mà không báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới. Do đó, bị đơn thuộc trường hợp được coi là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Về nội dung:

[4] Ngày 05/6/2018, S đã ký kết HĐTD số LD1815500179 ngày 05/6/2018 số tiền vay 150.000.000 đồng; mục đích vay: Tiêu dùng phục vụ đời sống; lãi suất 03 tháng đầu tiên: 14,4%/năm. Sau khi ký kết HĐTD, S đã thực hiện giải ngân đầy đủ cho ông Đoàn Mạnh H số tiền 150.000.000 đồng.

+ Xét tính hợp pháp của hợp đồng:

[5] HĐTD số LD1815500179 ngày 05/6/2018 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn tuân thủ các quy định của pháp luật theo Điều 116, Điều 117, Điều 119 của Bộ luật Dân sự; Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi giao kết nên hợp đồng là hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

+ Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên:

[6] Nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân số tiền là 150.000.000 đồng cho ông H theo HĐTD . Bị đơn ông H đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng như đã ký kết. Tạm tính đến ngày 26/9/2022 là: 80.473.806 đồng, cụ thể: Nợ gốc: 65.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 8.836.490 đồng; nợ lãi quá hạn: 5.946.488 đồng; phạt chậm trả lãi: 690.828 đồng. Vì vậy, S khởi kiện buộc ông Đoàn Mạnh H phải trả nợ gốc; lãi trong hạn; lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 465, 466 của Bộ luật Dân sự.

+ Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc:

[7] Quá trình thực hiện các hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền vay theo thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký như cam kết; bị đơn đã nhận đủ số tiền, nhưng bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Do đó, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện tại Tòa án là phù hợp với Điều 7 của Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết và quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Nguyên đơn giao nộp căn cứ chứng minh là bảng sao kê chi tiết nợ gốc theo lịch trình đã trả theo hợp đồng tín dụng đã ký của bị đơn, được tính từ thời điểm giải ngân đến ngày xét xử ngày 25/10/2019. Xét các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là phù hợp với nhau. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 466, 468 của Bộ luật Dân, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc tạm tính đến ngày 26/9/2022 là 65.000.000 đồng.

+ Về yêu cầu trả nợ lãi trong, nợ lãi quá hạn:

[8] Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi theo sự thỏa thuận của các bên trong HĐTD, phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Như vậy, bảng tính lãi của S có căn cứ được chấp nhận, tạm tính đến ngày 26/9/2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ lãi trong hạn: 8.836.490 đồng; nợ lãi quá hạn: 5.946.488 đồng. Xét cần chấp nhận yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

+ Xét đối với số tiền phạt chậm trả lãi:

[9] Đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền phạt chậm trả lãi là 690.828 đồng. Đối chiếu bảng tính lãi, sao kê. Xét yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự và tại Điều 4 mục 4.2 thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng là phù hợp với quy định của pháp

luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đôi khoản tiền phạt chậm trả lãi của nguyên đơn.

[10] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Đoàn Mạnh H phải trả nợ cho S theo HĐTD đã ký kết ngày 05/6/2018.

[11] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của S được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Đoàn Mạnh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: S và ông Đoàn Mạnh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 40; Điều 147; khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ các Điều 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự ;

Căn cứ Điều 90, khoản 2 Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S: Buộc ông Đoàn Mạnh H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số LD1815500179 ngày 05/6/2018, tạm tính đến ngày 26/9/2022 với tổng số tiền là: 80.473.806 (tám mươi triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn, tám trăm linh sáu) đồng, cụ thể: Nợ gốc: 65.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 8.836.490 đồng; nợ lãi quá hạn: 5.946.488 đồng; phạt chậm trả lãi: 690.828 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/9/2022, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cấp thẻ cho đến khi

thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Đoàn Mạnh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 80.473.806 = 4.023.690$ (bốn triệu, không trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm chín mươi) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.900.000 (một triệu, chín trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006677 ngày 14/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; bị đơn ông Đoàn Mạnh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Phượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.